

Bản án số: 103/2018/HNGĐ -ST

Ngày 16/10/2018

“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ HÀO - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thuởng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Xuân Hùng.

2. Bà Vũ Thị Diệu Thúy.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Hào tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc “*kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa:

\* **Nguyên đơn:** Anh Trần Đình H, sinh năm 1987 (*Có mặt*).

Địa chỉ HKTT: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

\* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 (*Có mặt*).

Địa chỉ HKTT: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ nơi ở: Thôn V, xã H2, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016 (*Vắng mặt*).

*Người đại diện theo pháp luật cho cháu Trần Tú L:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 (*Có mặt*).

Đều địa chỉ HKTT: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Đều địa chỉ nơi ở: Thôn V, xã H2, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

\* **Người làm chứng:**

+ Bà Vũ Thị M, sinh năm 1965 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn V, xã H2, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Khúc Thị L1, sinh năm 1966 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của anh Trần Đình H đề ngày 26 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Đình H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M ngày 07/4/2015 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào cuối năm 2017 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Chị H1 có cách cư xử không đúng mực với anh nên vợ chồng đã nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã và từ ngày 09/5/2018 chị H1 đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay không quay trở lại chung sống với anh lần nào. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H1, hai bên không quan hệ vợ chồng, việc của ai người ấy lo, không quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau nên hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nếu cứ kéo dài tình trạng như hiện nay thì anh bị ức chế rất nhiều, ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống và công việc. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1 để ổn định cuộc sống.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh H năm 2015 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó chị về chung sống cùng với anh H thì chị mới biết anh H không làm theo những gì mà anh đã hứa trước khi kết hôn. Anh H không tôn trọng chị, cách cư xử không đúng mực đối với chị và gia đình nên vợ chồng đã xảy ra to tiếng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, nên về làm ăn kinh tế cũng không thống nhất, anh H đi làm được tiền nhưng không đưa cho chị, chị không biết anh Hoạt để tiền đâu, dùng vào việc gì, tự anh H quản lý, sử dụng. Gia đình chị cũng đã khuyên giải để anh H thay đổi cách sống, cách cư xử, vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn về đoàn tụ cùng nhau, nhưng anh Hoạt không nghe. Vì quá ức chế tâm lý, không chịu đựng được nữa nên vào ngày 09/5/2018, chị đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở, từ khi đi là không quay lại, vợ chồng ly thân nhau, không quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn vì chị xác định rằng, mặc dù tình cảm vợ chồng không được như ban đầu, nhưng chị mong rằng về phía anh H sẽ thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ.

Người làm chứng bà Khúc Thị L1 (là mẹ đẻ của anh H) và bà Vũ Thị M (là mẹ đẻ của chị H1) đều xác định anh H và chị H1 tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh H và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó anh chị được hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo để anh chị bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Vì vậy, bà L1 và bà M đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Anh Trần Đình H trình bày: Anh và chị H1 có 01 con chung là Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016, hiện tại cháu L đang ở với chị H1 và ông bà ngoại. Hiện tại cháu còn nhỏ, dưới 03 tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu L cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và anh tự nguyện cấp dưỡng để nuôi cháu hàng tháng số tiền là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng một tháng) đến khi cháu L thành niên.

Chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh H có 01 con chung là Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016, hiện tại cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Chị xác định anh H không quan tâm, chăm sóc con và nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì chị không yêu cầu, còn nếu anh H tự nguyện cấp dưỡng như trên thì chị cũng nhất trí.

3. *Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp*: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 đều trình bày: Nếu ly hôn, anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được nên phải đưa vụ kiện ra xét xử.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Anh Trần Đình H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị H1. Về con chung: Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H1 số tiền là 1.000.000đ/01 tháng đến khi cháu L thành niên; về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh H và chị H1 đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu vợ chồng ly hôn.

Chị Nguyễn Thị H1 không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung: Chị H1 xác định nếu vợ chồng ly hôn thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Trần Tú L cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và chị nhất trí với sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh H và chị H1 đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu vợ chồng ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Hòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị Hạnh; Về con chung: Giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh H; Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H1 đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M ngày 07/4/2015 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn với chị H1 nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị H1 có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã H1, huyện M nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng là bà L1 nhưng bà L1 đã có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh H, chị H1 đã thể hiện do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Hạnh đã đi về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã H1, huyện M từ tháng 5 năm 2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Từ khi đi là chị H1 không quay trở lại chung sống cùng anh Hoạt lần nào, giữa hai bên không trao đổi gì với nhau và việc của ai người ấy lo nên có đủ căn cứ xác định anh chị đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Anh H xác định vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2017, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi mặt trong cuộc sống từ sinh hoạt đến việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, cách cư xử của chị H1 chưa đúng mực, không tôn trọng anh nên vợ chồng nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, xô xát, không tìm được tiếng nói chung. Về phía chị H1 cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, với nguyên nhân là anh H có cách cư xử không đúng mực với chị, không tôn trọng chị, nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, thậm chí có lần xô xát và không tìm được tiếng nói chung. Do vợ chồng mâu thuẫn, nên về làm ăn kinh tế cũng không thống nhất, anh H đi làm được tiền nhưng không đưa cho chị, chị không biết anh H để tiền đâu, dùng vào việc gì, tự anh H quản lý, sử dụng. Do đó, chị đã nhiều lần khuyên bảo để anh H thay đổi cách sống, cách cư xử nhưng đến nay anh H vẫn không thay đổi và sự việc này kéo dài từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Vì quá ức chế tâm lý và không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2018 đến nay và không quay trở lại chung sống cùng anh H lần nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 còn trình bày về việc anh Hoạt có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác, nhưng thực tế đến nay chị H1 chưa đưa ra được căn cứ nào, đã khẳng định giữa anh H và chị H1 không tin tưởng nhau trong cuộc sống, tình cảm đã rạn nứt. Mặt khác, bà Mát là mẹ chị H1 và bà L1 là mẹ của anh H cũng đều xác định, anh H và chị H1 không tin tưởng nhau. Bà M còn xác định cuộc sống vợ chồng anh H, chị H1 không hạnh phúc, anh H quá phụ bạc, cư xử không tốt với chị H1, rũ bỏ vợ con. Còn bà L1 cho rằng, cách cư xử hàng ngày của chị H1 không đúng mực, xưng “mày tao” với anh H, đi đâu, làm gì chị H1 cũng không trao đổi với anh H, thích làm gì thì làm, không tôn trọng anh H. Tại phiên tòa, anh H vẫn xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Chị H1 không đồng ý ly hôn vì mong muốn anh H thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ là không phù hợp với thực tế mâu thuẫn của vợ chồng như chị đã trình bày. Qua đó, cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn,

phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1.

[3] Về con chung: Anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016. Do Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của anh H nên vấn đề con chung đặt ra giải quyết.

Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu L cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H số tiền là 1.000.000đ/01 tháng đến khi cháu L thành niên. Đối với chị H1 xác định, nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý theo ý kiến anh H về việc chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì chị không yêu cầu nhưng nếu anh H tự nguyện thì chị cũng nhất trí. Xét quan điểm này của anh chị thì thấy rằng, hiện tại chị H1 có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa cháu L dưới 03 tuổi, hiện đang ở với chị H1, được sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà ngoại nên việc cháu L tiếp tục ở với chị H1 là phù hợp, nên thỏa thuận giữa anh H và chị H1 như trên là đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cháu L. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H1 với số tiền là 1.000.000đ/01 tháng đến khi cháu L thành niên và chị H1 nhất trí với sự tự nguyện này của anh H khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu L cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh H.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh H và chị H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56, 57, 73, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 229; Khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 24/01/2016 cho chị Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Công nhận sự tự nguyện của anh H về việc anh Hoat cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H1 số tiền 1.000.000đ/01 tháng (*Một triệu đồng một tháng*) đến khi thành niên, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai đ-ợc cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H và chị H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**3. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:** Anh H và chị H1 đều không yêu cầu giải quyết nên không phải giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc anh Trần Đình H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 013275 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Hào, anh H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn. Anh H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**5. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*\* Trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đợc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Cẩm Xá;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Văn Thường**